



CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ



# BẢN TỰ CÔNG BỐ

## NƯỚC CHẤM CHAY AN

SỐ 26/PTMN/2022



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 26 /PTMN/2021**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523. 813. 156

Fax: 02523. 710169

Email: [info@nuocmamphanthietmuine.com](mailto:info@nuocmamphanthietmuine.com)

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Số Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 6065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM CHAY AN**

**2. Thành phần:**

- Thành phần chính ( $\geq 98\%$ ): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.

- Thành phần khác ( $\leq 2\%$ ): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hoá (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương tổng hợp.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

4.1 Bao bì chứa đựng trực tiếp nước chấm chay là các loại chai:

- Các chai nhựa PET, thể tích: 500 ml, 750ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Các chai thủy tinh, thể tích: 60 ml, 250 ml, 310 ml, 500 ml, 520 ml, 730ml, 750 ml.

- Can nhựa, thể tích 20 lít, 30 lít.

#### 4.2 Quy cách đóng gói:

- Các chai được đựng đóng trong hộp giấy, khay giấy hoặc thùng carton theo quy cách như sau:

06 chai x 60 ml  
12 chai x 60 ml  
72 chai x 60 ml  
02 chai x 250 ml  
04 chai x 250 ml  
24 chai x 250 ml  
04 chai x 310 ml  
18 chai x 310 ml  
02 chai x 500 ml  
12 chai x 500 ml  
24 chai x 500 ml  
02 chai x 520 ml  
12 chai x 520 ml  
12 chai x 730 ml  
15 chai x 750 ml  
15 chai x 900 ml  
12 chai x 1 lít  
06 chai x 2 lít  
04 chai x 5 lít  
01 can x 20 lít  
01 can x 30 lít

#### 5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HÀI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN, VIỆT NAM.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm



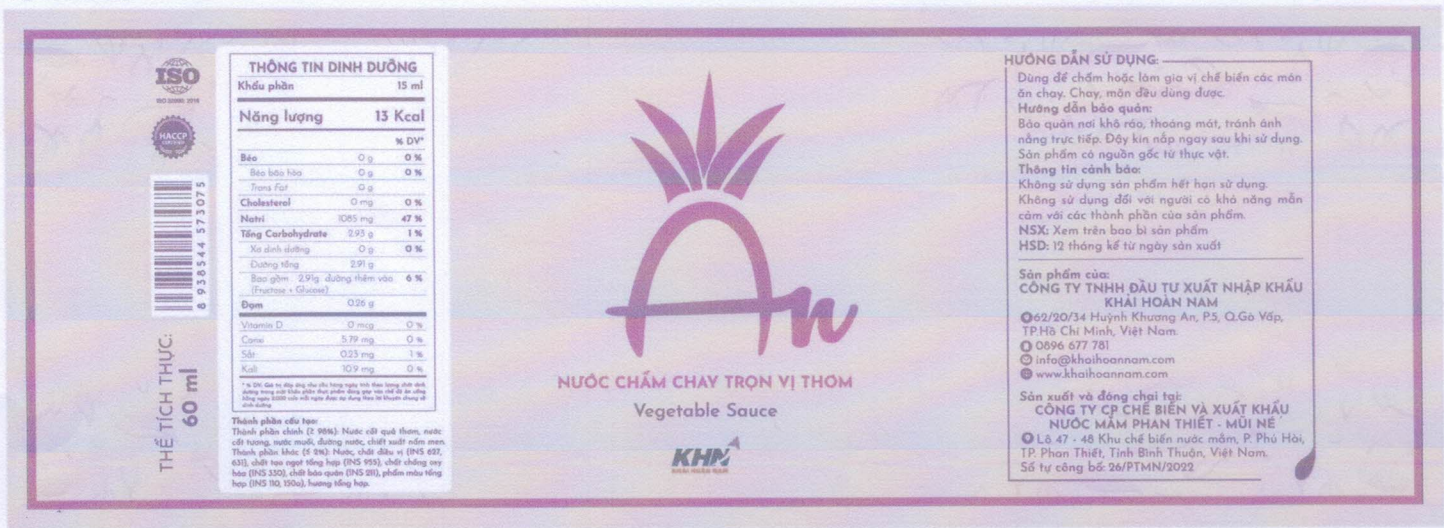
# Nhãn nước chấm chay AN 60ml (TT tròn) Nội địa

130 mm

10 mm

10 mm

45 mm



THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Khẩu phần	15 ml	
<b>Năng lượng</b>	<b>13 Kcal</b>	
		% DV*
Béo	0 g	0 %
Béo bão hòa	0 g	0 %
Trans Fat	0 g	0 %
Cholesterol	0 mg	0 %
Natri	1065 mg	47 %
Tổng Carbohydrate	2.93 g	1 %
Xi-dinh đường	0 g	0 %
Đường tổng	2.91 g	
Bao gồm: 2.91g đường thêm vào (Fructose + Glucose)	6 %	
Đạm	0.26 g	
Vitamin D	0 mcg	0 %
Canxi	5.79 mg	0 %
Sắt	0.23 mg	1 %
Kali	109 mg	0 %

\*% DV: Giá trị này dựa trên chế độ ăn hàng ngày thích hợp. Lượng chất dinh dưỡng này có thể khác nhau tùy thuộc vào thói quen ăn uống và mức độ hoạt động thể chất của bạn.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**  
 Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món ăn chay. Chay, món đều dùng được.  
**Hướng dẫn bảo quản:**  
 Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy kín nắp ngay sau khi sử dụng.  
 Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.  
**Thông tin cảnh báo:**  
 Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng.  
 Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.  
**NSX:** Xem trên bao bì sản phẩm  
**HSD:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản phẩm của:  
**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU KHAI HOÀN NAM**  
 62/20/34 Huỳnh Khương An, P.3, Q.Gò Vấp, TP.Hà Chí Minh, Việt Nam.  
 ☎ 0996 677 781  
 ✉ info@khaihoannam.com  
 🌐 www.khaihoannam.com

Sản xuất và đóng chai tại:  
**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MÙI NẾ**  
 Lô 47 - 48 Khu chế biến nước mắm, P. Phú Hòa, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.  
 Số tự công bố: 26/PTMN/2022



Vị trí ép kim trên nhãn

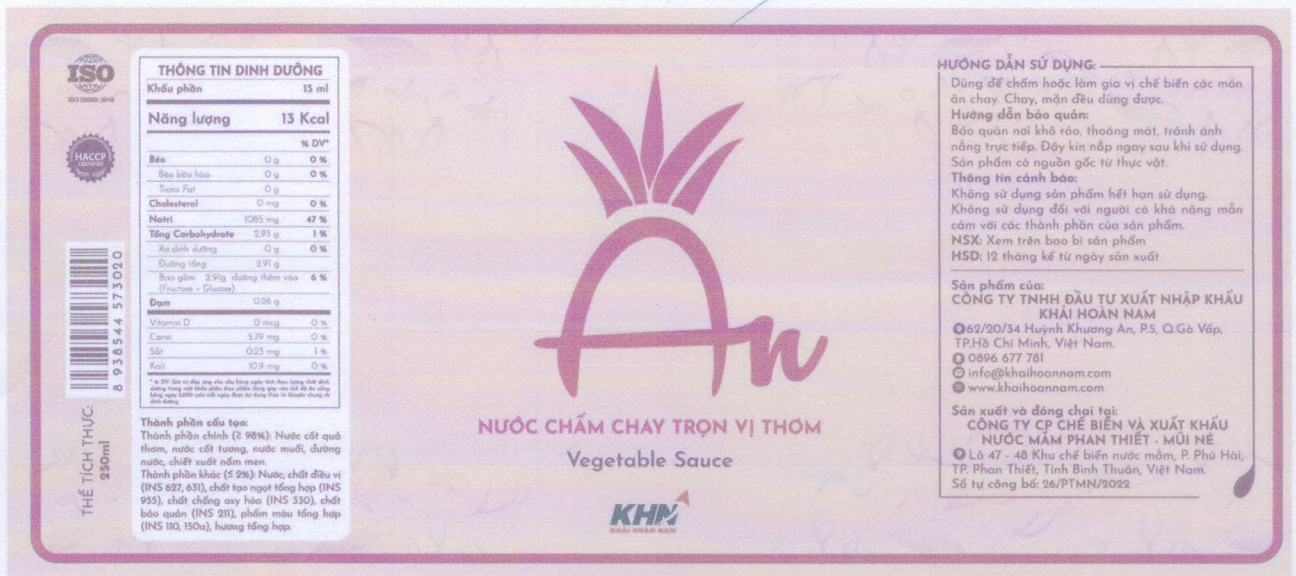
	Tên SP	NHÃN NƯỚC CHẤM CHAY AN 60ML (TT TRÒN)		Ký duyệt	Thiết kế
	KT	130 x 45 mm (dài x cao)			
	Dạng	In offset 4 màu, ép kim, cán màng mờ, cắt thành phẩm			
	VL in	Couche 100 gsm	Làm mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản <input type="checkbox"/>		
	Số màu(4)		Đen Nâu Cam Nền		
	Ngày	01.06.2022			



# Nhãn nước chấm chay AN 250ml (TT tròn) KHN

150 mm

Bế demi



## Vị trí ép kim trên nhãn

	Tên SP	NHÃN NƯỚC CHẤM CHAY AN 250ML (TT TRÒN) KHN		Ký duyệt	Thiết kế
	KT	150 x 65 mm (dài x cao)			
	Dạng	In offset 4 màu, ép kim, cán màng mờ, bế demi			
	VL in	Giấy decal fasson AW 0331	Làm mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản <input type="checkbox"/>		
	Số màu(4)		Đen    Nâu    Cam    Nền		
Ngày	01.06.2022				

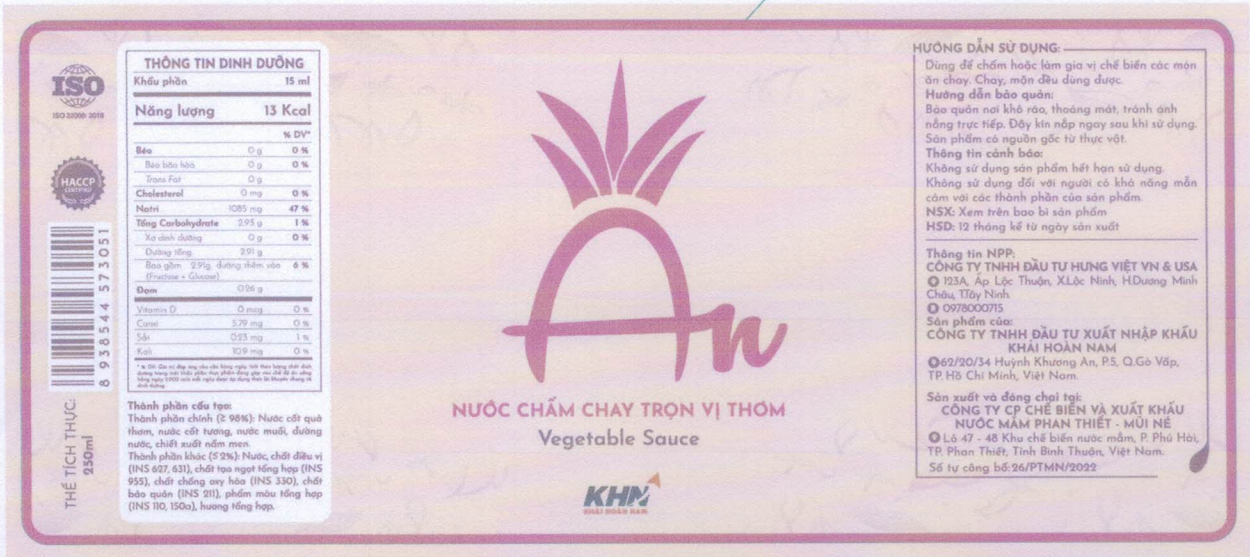


# Nhãn nước chấm chay AN 250ml (TT tròn) KHN + NPP

Bé demi

150 mm

65 mm



## THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khối lượng 15 ml

Năng lượng 13 Kcal

% DV\*

Béo	0 g	0 %
Béo bão hòa	0 g	0 %
Trans Fat	0 g	0 %
Cholesterol	0 mg	0 %
Natri	1085 mg	47 %
Tổng Carbohydrate	293 g	1 %
Xe dành đường	0 g	0 %
Dường xơ	291 g	
Bao gồm 291g đường nhấm vón (Fructose + Glucose)		6 %
Đạm	096 g	
Vitamin D	0 mcg	0 %
Canxi	272 mg	0 %
Sắt	023 mg	1 %
Kali	109 mg	0 %

\*% DV dựa trên chế độ ăn tiêu chuẩn hàng ngày với mức năng lượng định mức hàng ngày của người tiêu dùng trung bình là 2000 calo. Các giá trị dinh dưỡng này có thể thay đổi tùy thuộc vào khẩu phần ăn của bạn.

Thành phần cấu tạo:  
Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.  
Thành phần khác (≤ 2%): Nước, chất điều vị (INS 627, 431), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương tổng hợp.

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món ăn chay. Chay, món đều dùng được.

### Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy kín nắp ngay sau khi sử dụng. Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

### Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm.

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

### Thông tin NPP:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HUNG VIỆT VN & USA  
123A, Ấp Lộc Thuận, Xã Lộc Ninh, Huyện Minh Châu, Tỉnh Ninh

0978000715

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU KHAI HOÀN NAM  
062/20/34 Huyện Khương An, P.5, Q.Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất và đóng chai tại:  
CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MÙI NÈ

044-47 - 48 Khu chế biến nước mắm, P Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Số tự công bố: 26/PTMN/2022



## Vị trí ép kim trên nhãn

	Tên SP	NHÃN NƯỚC CHẤM CHAY AN 250ML (TT TRÒN)		Ký duyệt	Thiết kế
	KT	150 x 65 mm (dài x cao)			
	Dạng	In offset 4 màu, ép kim, cán màng mờ, bé demi			
	VL in	Giấy decal fasson AW 0331	Làm mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản <input type="checkbox"/>		
	Số màu(4)		Đen Xanh Đỏ Vàng		
Ngày	01.06.2022				



# Nhãn nước chấm chay AN 520 ml (TT tròn) NPP HV

185 mm

Bé demi

90 mm



THẺ TÍCH THỰC:  
520ml

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Khối phần	15 ml
<b>Năng lượng</b>	<b>13 Kcal</b>
	% DV*
Béo	0 g 0 %
Béo bão hòa	0 g 0 %
Trans Fat	0 g
Cholesterol	0 mg 0 %
Natri	1085 mg 47 %
Tổng Carbohydrate	2,93 g 1 %
Xa sinh đường	0 g 0 %
Đường tổng	2,91 g
Bao gồm (Fructose + Glucose)	2,91 g 6 %
Đạm	0,26 g
Vitamin D	0 mcg 0 %
Canxi	5,79 mg 0 %
Sắt	0,23 mg 1 %
Kali	10,9 mg 0 %

**Thành phần cấu tạo:**  
Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.  
Thành phần khác (≤ 2%): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương tổng hợp.



**NƯỚC CHẤM CHAY TRỘN VỊ THƠM**  
Vegetable Sauce



### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món ăn chay. Chay, mặn đều dùng được.

#### Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đóng kín nắp ngay sau khi sử dụng.

Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

#### Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

#### Thông tin NPP:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HUNG VIỆT VN & USA

123A, Ấp Lạc Thuận, XL Lạc Ninh, H. Dương Minh Châu, Tây Ninh

0978000715

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU

KHAI HOÀN NAM

62/20/34 Huỳnh Khương An, P.5, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất và đóng chai tại:

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU

NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MÙI NÈ

Lô 47 - 48 Khu chế biến nước mắm, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Số tự công bố: 26/PTMN/2022



Vị trí ép kim trên nhãn

	Tên SP	NHÃN NƯỚC CHẤM CHAY AN 520ML (TT TRÒN) NPP HV	Ký duyệt	Thiết kế
	KT	185 x 90 mm (đài x cao)		
	Dạng	In offset 4 màu, ép kim, cán màng mờ, bé demi		
	VL in	Giấy decal fasson AW 0331    Làm mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản <input type="checkbox"/>		
	Số màu(4)	 Đen    Nâu    Cam    Nén		
	Ngày	01.06.2022		

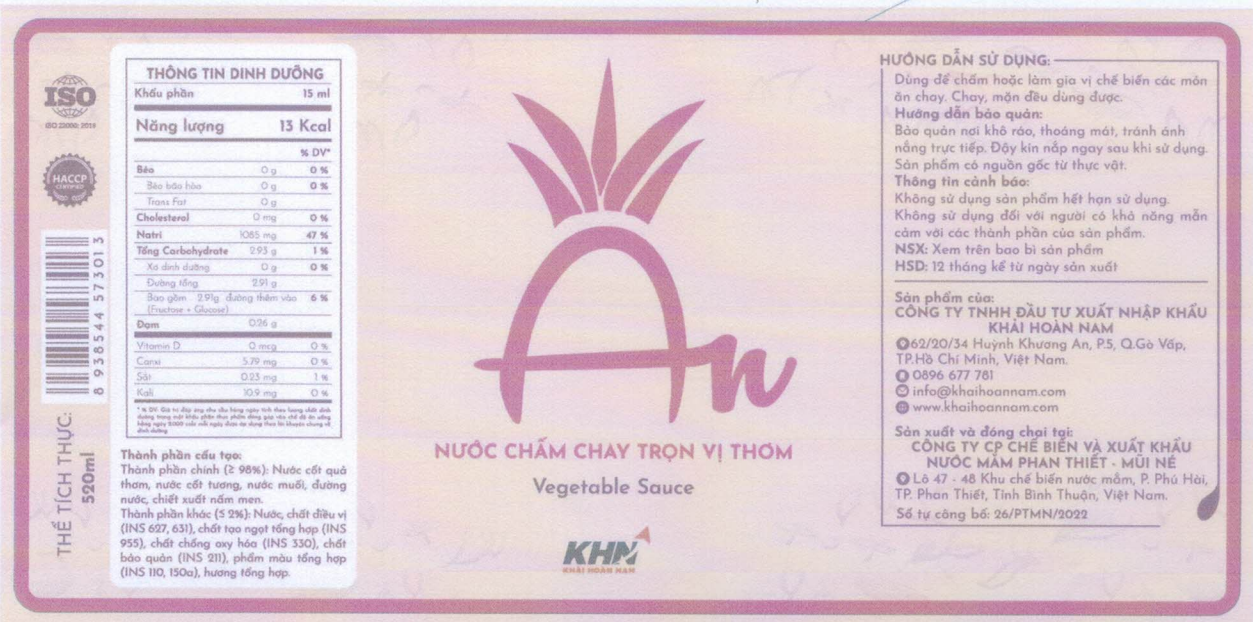


# Nhãn nước chấm chay AN 520 ml (TT tròn) KHN

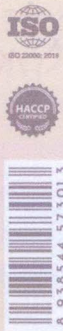
185 mm

Bé demi

90 mm



THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Khối lượng	15 ml
<b>Năng lượng</b>	<b>13 Kcal</b>
	% DV*
Bão	0 g 0 %
Bão bão hòa	0 g 0 %
Trans Fat	0 g 0 %
Cholesterol	0 mg 0 %
Natri	1065 mg 47 %
Tổng Carbohydrate	2,93 g 1 %
Ka dinh đường	0 g 0 %
Đường tổng	2,91 g
Bao gồm 2,91g đường thêm vào (Fructose + Glucose)	6 %
Đạm	0,26 g
Vitamin D	0 mcg 0 %
Canxi	5,79 mg 0 %
Sắt	0,23 mg 1 %
Kali	10,9 mg 0 %



THỂ TÍCH THỰC: 520ml

**Thành phần cấu tạo:**  
Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.  
Thành phần khác (≤ 2%): Nước, chiết liệu vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương tổng hợp.

**NƯỚC CHẤM CHAY TRỌN VỊ THƠM**  
Vegetable Sauce



**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**  
Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món ăn chay. Chay, mặn đều dùng được.  
**Hướng dẫn bảo quản:**  
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy kín nắp ngay sau khi sử dụng. Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.  
**Thông tin cảnh báo:**  
Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.  
NSX: Xem trên bao bì sản phẩm  
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản phẩm của:  
**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU KHAI HOÀN NAM**  
62/20/34 Huỳnh Khương An, P.5, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
0896 677 781  
info@khaihoannam.com  
www.khaihoannam.com

Sản xuất và đóng chai tại:  
**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MÙI NÉ**  
Lô 47 - 48 Khu chế biến nước mắm, P. Phú Hội, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.  
Số tự công bố: 26/PTMN/2022



Vị trí ép kim trên nhãn

Tên SP		Ký duyệt		Thiết kế	
	KT	185 x 90 mm (dài x cao)			
	Dạng	In offset 4 màu, ép kim, cán màng mờ, bé demi			
	VL in	Giấy decal fasson AW 0331	Làm mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản <input type="checkbox"/>		
	Số màu(4)	 Đen Nâu Cam Nền			
	Ngày	01.06.2022			



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

##### 1. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 5107:2018

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Nâu vàng
2	Độ trong	Trong, không vẩn đục.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng.
4	Vị	Không mặn chát, không có vị lạ.
5.	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

##### 2. Các chỉ tiêu chất lượng: Theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoảng	g/l	180-260

##### 3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng chì	mg/L	$\leq 2.0$
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	$\leq 1.0$
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	$\leq 1.0$
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	$\leq 0.05$



4. Các chỉ tiêu vi sinh: Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$\leq 10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	$\leq 10$
4	Escherichia Coli	MPN/mL	0
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	$\leq 3$
6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/mL	$\leq 10$
7	Salmonella	PH/25mL	0

5. Dư lượng thuốc BVTV: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Carbendazim	mg/L	$\leq 5$
2	Clothianidin	mg/L	$\leq 0.01$
3	Diazinon	mg/L	$\leq 0.1$
4	Dimethomorph	mg/L	$\leq 0.01$
5	Disulfoton	mg/L	$\leq 0.1$
6	Ethephon	mg/L	$\leq 2$
7	Heptachlor	mg/L	$\leq 0.01$
8	Metalaxyl	mg/L	$\leq 0.1$
9	Methidation	mg/L	$\leq 0.05$
10	Propiconazole	mg/L	$\leq 0.02$
11	Thiamethoxam	mg/L	$\leq 0.01$
12	Triadimefon	mg/L	$\leq 5$



13	Triadimenol	mg/L	≤ 5
----	-------------	------	-----

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. / *me*

Tp Phan Thiết, ngày 07 tháng 06 năm 2022

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *me*



*me*  
**Lê Thị Mỹ**





VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
 BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
 TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
 ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 – 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21125462

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 24/12/2021

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ**

Địa chỉ/ Address: **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: **17/12/2021**

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: **24/12/2021**

Tên mẫu/ Sample name: **NƯỚC CHẤM CHAY**

Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong chai nhựa** Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Natri clorua (NaCl)	g/L	200	TCVN 3702: 2009
02	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
03	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
04	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005(*)
05	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
06	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
07	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017(*)
08	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
09	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	6,8 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-2:2015(*)
10	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15 (*)
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007



STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
12	Cảm quan		Màu sắc: Nâu vàng. Độ trong: Trong, không vẩn đục. Mùi: Mùi thơm đặc trưng. Vị: Không mặn chát, không có vị lạ. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.	TCVN 3215:1979

Hàm lượng Nitơ amoniac và hàm lượng Nitơ acid amin được tính bằng % so với hàm lượng Nitơ toàn phần.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
Head of laboratory

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thành Tín

**GIÁM ĐỐC**  
Director



Ngô Minh Toàn

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số Chứng Thực 4.8.0.6.....Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày.....24.....12.....2021.....

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Thị Dung**

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.



BN: 220421-011/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2204578

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*



**Tên mẫu / Sample name:** NƯỚC CHẤM CHAY AN  
**Khách hàng / Client :** CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU  
NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ  
**Địa chỉ / Address :** Lô 47-48 Khu chế biến nước mắm, Phường Phú Hải, TP. Phan Thiết,  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam  
**Mô tả mẫu / Sample description:** Mẫu dạng lỏng màu nâu đựng trong chai thủy tinh  
**Nền mẫu / Matrix :** NƯỚC CHẤM CHAY AN  
**Số lượng mẫu / Number of sample:** 01  
**Ngày nhận mẫu / Date of sample received :** 21/04/2022  
**Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery:** 29/04/2022

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
2204578	Protein <sup>(*)</sup> (b) (N x 6.25)	0.26	-	g/15ml	TCVN 3705:1990
	Béo <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.015	g/15ml	Ref. AOAC 996.06
	Đường tổng <sup>(*)</sup> (b)	2.91	-	g/15ml	Ref. EC 152 - 2009
	Đường thêm vào <sup>(*)</sup> (b) (Fructose + Glucose)	2.91	-	g/15ml	Ref. EC 152 - 2009
	Carbohydrate <sup>(*)</sup>	2.93	-	g/15ml	Ref. EC 152 - 2009
	Xơ dinh dưỡng	KPH	0.015	g/15ml	AOAC 991.43
	Năng lượng <sup>(*)</sup>	13	-	Kcal/15ml	Calculated value ( FAO, Food & Nutrition, P 77, 2003)



BN: 220421-011/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2204578

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
2204578	Béo bão hòa	KPH	0.015	g/15ml	Ref. AOAC 996.06
	Trans Fat	KPH	3	mg/15ml	Ref. AOAC 996.06
	Cholesterol	KPH	0.15	mg/15ml	AOAC 994.10
	Canxi (Ca) <sup>(*)</sup> (b)	5.79	-	mg/15ml	Ref. AOAC 2015.01
	Sắt (Fe) <sup>(*)</sup> (b)	0.23	-	mg/15ml	Ref. AOAC 2015.01
	Kali (K) <sup>(*)</sup> (b)	10.9	-	mg/15ml	Ref. AOAC 2015.01
	Natri (Na) <sup>(*)</sup> (b)	1085	-	mg/15ml	Ref. AOAC 2015.01
	Vitamin D	KPH	0.015	mg/15ml	EN 12821 - 2009



BN: 220421-011/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2204578

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

<b>BẢNG GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG</b>		
Tính trên phần ăn 15ml		
<b>Năng lượng</b>		<b>13 Kcal</b>
% Giá trị hằng ngày *		
<b>Chất béo tổng</b>	0 g	0 %
Béo bão hòa	0 g	0 %
Trans Fat	0 g	
<b>Cholesterol</b>	0 mg	0 %
<b>Natri</b>	1085 mg	47 %
<b>Carbohydrate tổng</b>	2.93 g	1 %
Xơ dinh dưỡng	0 g	0 %
Đường tổng	2.91 g	
Bao gồm (Fructose + Glucose)	2.91g đường thêm vào	6 %
<b>Protein</b>	0.26 g	
<b>Vitamine D</b>	0 mcg	0 %
<b>Canxi</b>	5.79 mg	0 %
<b>Sắt</b>	0.23 mg	1 %
<b>Kali</b>	10.9 mg	0 %



BN: 220421-011/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2204578

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

*Analytical Results*

**Ghi chú/Note :** Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ *The results only valid for the sample encoded as above*

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director*

- (\*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation ( VILAS)*

- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*

- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.*

KPH : không phát hiện/ *Not detected*

**Phụ trách phòng thí nghiệm**

*Officer in charge of laboratory*

ThS. Nguyễn Thanh Tân

**Giám Đốc**  
*Director*  
CÔNG TY  
TNHH  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN  
TS. Phạm Kim Phương

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số Chứng Thực..... 3277 ..... Quyền số: 01-SCT/BS  
Ngày..... 06-06-2022 .....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG



*Nguyễn Thị Dung*

